

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 08-5-2024

V/v: Ly hôn; Tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diệu

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Trang

Bà Phạm Thị Anh Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hải Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:** Bà Huỳnh Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2024/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn; Tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình số 10/2024/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm: 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. Người kháng cáo: Ông Lê Văn N.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng M trình bày:***

Bà và ông Lê Văn N kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn, lý do ông N hay uống rượu say về nhà mắng chửi vợ con và thường xuyên đánh đập bà, ông N không minh bạch về tài chính như vay tiền ngân hàng, chuyển tiền cho người phụ nữ khác đều không cho bà biết.

Từ ngày 12/10/2023, ông N bỏ đi khỏi nhà và thường xuyên nhắn tin đe dọa bà. Bà xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông N không còn nữa nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà và ông N có 02 con chung tên Lê Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 17/2/2016 và Lê Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 14/10/2013. Hiện nay 02 con chung đang do bà trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bà có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Hiện, bà làm nghề buôn bán với thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng và có nhà ở riêng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn N trình bày:***

Ông xác nhận lời trình bày của bà M về thời gian đăng ký kết hôn, về con chung là đúng sự thật, tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì ông không đồng ý với lời trình bày của bà M. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông và bà M là do bà M hay ghen tuông vô cớ, ông không thường xuyên bạo hành bà M như lời trình bày mà chỉ có một lần khi bà M nộp đơn đến Tòa án ông bức xúc nên có đánh bà M. Ông nhận thấy tình bản vợ chồng giữa ông và bà M vẫn còn nên ông không đồng ý ly hôn với bà M.

Về con chung: Do ông không đồng ý ly hôn nên ông không có ý kiến về phân con chung. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M thì ông yêu cầu Tòa án giao con chung là Lê Nguyễn Ngọc A cho ông trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, ông làm nghề

xây bàn ghế đá với thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng, đủ khả năng để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân gia đình số 10/2024/HNGĐ-ST ngày 01/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng M.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng M được ly hôn với ông Lê Văn N.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Hồng M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 14/10/2013 và Lê Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 17/02/2016. Ông Lê Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà M không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng M và ông Lê Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền, nghĩa vụ của các bên thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 15/02/2024, ông N kháng cáo không đồng ý ly hôn với bà M. Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm vẫn chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M thì đề nghị giao con chung là Lê Nguyễn Ngọc A cho ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần tranh luận tại phiên tòa của các bên đương sự, đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, bác toàn bộ kháng cáo của ông N. Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo làm ngày 15/02/2024 của ông Lê Văn N làm trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

[1.2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Ly hôn; Tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” là có cơ sở và đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, ông Lê Văn N rút một phần yêu cầu kháng cáo, cụ thể: Ông N rút kháng cáo đối với nội dung không đồng ý ly hôn. Xét thấy, việc rút kháng cáo của ông N là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, vì vậy căn cứ các Điều 289, 312 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo này của ông N.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông N đề nghị Tòa án giao cháu Lê Nguyễn Ngọc A cho ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nhận thấy:

Các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của hai bên đương sự thể hiện, ông N và bà M đều có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đủ đảm bảo điều kiện vật chất để nuôi con chung, tuy nhiên, hai con chung là A và Q đều có nguyện vọng được ở với mẹ và bà M hiện đã có chỗ ở ổn định, vì vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm giao hai con chung cho bà M là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Về phía ông N, mặc dù có thu nhập ổn định để nuôi con chung nhưng ông N chưa có chỗ ở ổn định và là người có khuynh hướng bạo lực (thể hiện tại biên bản xác minh ngày 08/12/2023) nên việc giao con chung cho ông N nuôi dưỡng sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện của con chung, vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Nguyễn Ngọc A của ông N. Chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của ông N không được chấp nhận nên ông N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000

đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000233 ngày 22/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Ông N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Bác toàn bộ kháng cáo của ông Lê Văn N. Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm số 10/2024/HNGĐ-ST ngày 01/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện N.

Căn cứ khoản 2 Điều 289, Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn N về việc không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng M.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng M. Bà Nguyễn Thị Hồng M được ly hôn với ông Lê Văn N.

**2.** Về con chung:

Giao cho 02 con chung Lê Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 14/10/2013 và Lê Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 17/02/2016 cho bà Nguyễn Thị Hồng M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Lê Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

**3.** Về án phí:

**3.1.** Bà Nguyễn Thị Hồng M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007736 ngày 29/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Bà Nguyễn Thị Hồng M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**3.2.** Ông Lê Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000233 ngày 22/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Ông Lê Văn N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 08/5/2024)./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (2);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- Chi cục THADS huyện N (1);
- TAND huyện N (1);
- UBND xã Đ-Y-Thanh Hóa (GCNKH số: X, ngày Y/2013) (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Trần Thị Diệu**